

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị của Cơ quan Đảng ủy xã Phúc Lộc

- Căn cứ Luật Quản lý sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017,
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024,
- Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị,
- Căn cứ Quy định số 95-QĐ/TU ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Tỉnh ủy Thái Nguyên về phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị của các cơ quan, đơn vị của Đảng thuộc phạm vi tỉnh Thái Nguyên,
- Theo đề nghị của Văn phòng Đảng ủy,

Ban Thường vụ Đảng ủy xã ban hành Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị đối với các cơ quan của Đảng như sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại cơ quan Đảng ủy xã Phúc Lộc gồm:

- Máy móc, thiết bị phục vụ công tác cho các chức danh;
- Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung;
- Máy móc, thiết bị chuyên dùng;

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Quyết định này, gồm:

- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy xã;

b) Các cá nhân có liên quan đến việc xác định, quyết định, áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng, máy móc, thiết bị quy định tại Quyết định này được sử dụng làm một trong các căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách, giao, mua sắm, thuê, quản lý, sử dụng, xử lý máy móc, thiết bị.

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh được xác định theo từng chức danh, chức vụ. Trường hợp một người giữ nhiều chức danh, chức vụ thì được áp dụng tiêu chuẩn cao nhất. Khi người tiền nhiệm nghỉ chế độ, chuyển công tác hoặc vì lý do khác mà không còn giữ chức vụ đó nữa nhưng máy móc, thiết bị đã trang bị chưa đủ điều kiện thay thế, thanh lý theo quy định thì người kế nhiệm tiếp tục sử dụng, không trang bị mới; trừ trường hợp máy móc, thiết bị được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Số lượng và mức giá của máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh, phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này là mức tối đa; Thủ trưởng cơ quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng và khả năng nguồn kinh phí được phép sử dụng để quyết định số lượng và mức giá cụ thể.

4. Nguyên tắc xác định mức giá máy móc, thiết bị:

a) Mức giá máy móc, thiết bị quy định tại Quyết định này khi thực hiện mua mới là giá đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các khoản chiết khấu, giảm giá (nếu có); chưa bao gồm: phí vận chuyển; phí lắp đặt; phí bảo hiểm; lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; chi phí khác có liên quan;

b) Mức giá máy móc, thiết bị làm căn cứ xác định tiêu chuẩn, định mức trong trường hợp giao, điều chuyển, chuyển đổi công năng sử dụng máy móc, thiết bị đã qua sử dụng là giá trị còn lại trên sổ kế toán hoặc giá trị đánh giá lại theo quy định của pháp luật (đối với máy móc, thiết bị chưa được theo dõi giá trị trên sổ kế toán hoặc trường hợp phải đánh giá lại khi xử lý theo quy định của pháp luật); cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, chuyển đổi công năng sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công quyết định đối với trường hợp máy móc, thiết bị đã qua sử dụng có giá trị còn lại hoặc giá trị đánh giá lại cao hơn mức giá tối đa quy định tại Quyết định này.

5. Phòng làm việc quy định tại Quyết định này là phòng làm việc theo thiết kế của trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (không phải là phòng theo cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị).

6. Máy móc, thiết bị quy định tại Quyết định này được thay thế khi đủ điều kiện thanh lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Chương II **TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ TẠI CƠ QUAN ĐẢNG ỦY**

Điều 4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh của đơn vị được quy định tại Mục A Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Số lượng và mức giá của máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quyết định này.

3. Trường hợp cần thiết bổ sung số lượng máy móc, thiết bị đã quy định tại khoản 1 Điều này hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị đã quy định tại khoản 1 Điều này để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao thì cơ quan, người có thẩm quyền quyết định; cụ thể:

Theo quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật khác có liên quan đối với các cơ quan đơn vị địa phương.

Điều 5. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung

1. Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung, gồm:

a) Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc;

b) Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan và máy móc, thiết bị gắn với nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng, bao gồm: hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hệ thống chiếu sáng; hệ thống thông tin; điều hòa; camera; âm thanh; thiết bị vệ sinh; bàn, ghế hội trường, phòng họp; máy phát điện; máy bơm nước; tivi; màn hình LED; máy chiếu; các máy móc, thiết bị khác.

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

a) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc của cơ quan được quy định tại Mục B Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này và khoản 3 Điều 3 Quyết định này.

b) Số biên chế làm căn cứ xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị quy định tại điểm a khoản này là số lượng biên chế hoặc số người làm việc được cơ quan, người có thẩm quyền giao, phê duyệt hoặc theo đề án vị trí việc làm được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và số lượng người làm việc của cơ

quan, tổ chức, đơn vị ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật tại thời điểm xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

c) Căn cứ tổng số lượng máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc được xác định theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này, Thủ trưởng cơ quan quyết định số lượng máy móc, thiết bị trang bị tại từng phòng làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mình;

d) Máy móc, thiết bị trong tiêu chuẩn, định mức quy định tại điểm a khoản này là máy móc, thiết bị có chức năng riêng. Trường hợp cơ quan có nhu cầu trang bị máy móc, thiết bị tích hợp đa chức năng (như in, photocopy, scan, các chức năng khác) thì số lượng tối đa của máy móc, thiết bị tích hợp đa chức năng áp dụng theo số lượng tối đa của máy móc, thiết bị có mức giá tối đa cao nhất; mức giá tối đa của máy móc, thiết bị tích hợp đa chức năng không vượt quá tổng mức giá tối đa của máy móc, thiết bị có chức năng riêng đó; không trang bị riêng loại máy móc, thiết bị có chức năng đã tích hợp.

3. Việc trang bị máy móc, thiết bị quy định tại điểm b khoản 1 Điều này do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 4 quyết định này quyết định trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu sử dụng, thiết kế xây dựng trụ sở làm việc và nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan. Việc thay thế các loại máy móc, thiết bị quy định tại điểm b khoản 1 Điều này xác định theo chủng loại, số lượng của máy móc, thiết bị được thay thế; mức giá máy móc, thiết bị thay thế được xác định phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại máy móc, thiết bị tương ứng.

Điều 6. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng

1. Máy móc, thiết bị chuyên dùng, gồm:

a) Máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo;

b) Máy móc, thiết bị chuyên dùng khác ngoài máy móc, thiết bị chuyên dùng quy định tại điểm a khoản này.

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này:

a) Máy móc, thiết bị chuyên dùng quy định tại khoản này là máy móc, thiết bị quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này nhưng có yêu cầu về tính năng, dung lượng, cấu hình và mức giá cao hơn theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc do Thủ trưởng cơ quan tự xác định trên cơ sở phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc; máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật nhà nước; máy móc, thiết bị trang bị cho phòng tiếp dân; máy móc, thiết bị khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, đơn vị đáp ứng tiêu chuẩn của tài sản cố định theo quy định của pháp luật.

b) Cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này.

3. Việc quy định và quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng quy định tại khoản 2 Điều này được áp dụng đối với máy móc, thiết bị đủ tiêu chuẩn tài sản cố định theo quy định của chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định tại cơ quan.

Đối với máy móc, thiết bị chuyên dùng không đủ điều kiện tiêu chuẩn tài sản cố định thì Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định trang bị các loại máy móc, thiết bị này.

4. Quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng được công khai trên Cổng thông tin điện tử của đơn vị.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Cơ quan Đảng ủy được sử dụng quy định tiêu chuẩn, định mức tại Quyết định này để xây dựng phương án, quyết định, tổ chức việc bố trí, sắp xếp, xử lý máy móc, thiết bị.

2. Trường hợp Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 8. Xử lý chuyển tiếp

Đối với các chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này mà đang được hưởng mức lương chức vụ hoặc hệ số phụ cấp chức vụ cao hơn nhóm chức danh, chức vụ quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này thì xác định tiêu chuẩn, định mức theo chức danh, chức vụ được hưởng mức lương chức vụ hoặc hệ số phụ cấp chức vụ cao hơn.

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

1. Các cơ quan tham mưu giúp việc của Đảng ủy có trách nhiệm:

a) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc tuân thủ tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị và việc thực hiện quy định tại Quyết định này; xử lý theo thẩm quyền

hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Quyết định này và pháp luật khác có liên quan.

3. Ủy ban kiểm tra Đảng ủy có trách nhiệm:

Tổ chức kiểm tra việc tuân thủ tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị và việc thực hiện quy định tại Quyết định này;

4. Thủ trưởng cơ quan và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Tỉnh ủy (B/c),
- Thường trực Đảng ủy,
- Các cơ quan tham mưu giúp việc Đảng ủy,
- KBNN khu vực VII-PGD số 6,
- Lưu Văn phòng Đảng ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ



Nguyễn Thị Hồng Vân



PHỤ LỤC I
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CỦA CƠ QUAN
XÃ ĐẢNG ỦY XÃ PHƯỚC LỘC
(Kèm theo Quyết định số 16 - QĐ/ĐU ngày 12 tháng 12 năm 2025
của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Phước Lộc)

A. TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁC CHỨC DANH

STT	Máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (Triệu đồng/chiếc hoặc bộ)
I	Bí thư Đảng ủy xã;		
1	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 bộ	13
2	Tủ đựng tài liệu	02 chiếc	7
3	Máy vi tính để bàn	01 bộ	20
4	Máy vi tính xách tay hoặc máy tính bảng hoặc thiết bị công nghệ thông tin tương đương	01 chiếc	25
5	Máy in	01 chiếc	13
6	Điện thoại cố định	01 chiếc	1,5
7	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	01 bộ	15
II	Phó Bí thư Đảng ủy xã và tương đương;		
1	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 bộ	10
2	Tủ đựng tài liệu	02 chiếc	7
3	Máy vi tính để bàn hoặc máy vi tính xách tay hoặc máy tính bảng hoặc thiết bị công nghệ thông tin tương đương	01 bộ hoặc 01 chiếc	20
4	Máy in	01 chiếc	13
5	Điện thoại cố định	01 chiếc	1
6	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	01 bộ	13
III	- Trưởng, Phó các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy và tương đương; - Chuyên viên và các chức danh tương đương thuộc địa phương (bao gồm công chức cấp xã);		

	- Cá nhân ký hợp đồng lao động theo quy định của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.		
1	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 bộ	7
2	Tủ đựng tài liệu	01 chiếc	7
3	Máy vi tính để bàn hoặc máy vi tính xách tay hoặc máy tính bảng hoặc thiết bị công nghệ thông tin tương đương	01 bộ hoặc 01 chiếc	20
4	Điện thoại cố định	01 chiếc	1

B. TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CHUNG TRANG BỊ TẠI PHÒNG LÀM VIỆC

STT	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (Triệu đồng/chiếc hoặc bộ)
1	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	01 bộ/01 phòng làm việc	13
2	Máy in	01 chiếc/03 biên chế	13
3	Máy scan tài liệu	01 chiếc/15 biên chế	22
4	Máy hủy tài liệu	01 chiếc/15 biên chế	10
5	Máy photocopy	01 chiếc/15 biên chế	110
6	Giá đựng tài liệu	01 chiếc/10 biên chế	1,5

Ghi chú:

- Mức giá mua tối đa của máy vi tính để bàn, máy vi tính xách tay, máy tính bảng, thiết bị công nghệ thông tin tương ứng chưa bao gồm bản quyền sản phẩm phần mềm, phần mềm hệ thống, các loại phần mềm ứng dụng khác.
- Số lượng tối đa của máy móc, thiết bị quy định tại số thứ tự 1 Mục B áp dụng đối với phòng làm việc của các chức danh quy định tại điểm III Mục A.
- Số lượng tối đa của máy móc, thiết bị quy định tại số thứ tự 2 Mục B áp dụng đối với các chức danh quy định tại điểm III Mục A.
- Số lượng tối đa của máy móc, thiết bị quy định tại các số thứ tự 3, 4, 5 và 6 Mục B áp dụng đối với toàn bộ các chức danh tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.
- Trường hợp thay thế riêng lẻ bàn hoặc ghế của bộ bàn ghế thì mức giá của bàn bằng 60% mức giá của 01 bộ bàn ghế, mức giá của ghế bằng 40% mức giá của 01 bộ bàn ghế.
- Trường hợp khi tính toán tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị quy định tại các số thứ tự 2, 3, 4, 5 và 6 Mục B ra số thập phân thì được làm tròn lên (Ví dụ: Làm tròn số 0,21 thành 1; làm tròn số 9,68 thành 10).